TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số: 309 /2022/HNGĐ-ST Ngày: 27/9/2022 *V/v tranh chấp: Ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------o0o-------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Đặng Mai Hoa***

- Các hội thẩm nhân dân: ***1. Ông Nguyễn Văn Cương***

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: ***Ông Lưu Tuấn Long*** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà*: Bà Nguyễn Thanh Hương* - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 144/2022/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXX ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST – HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hằng N, sinh năm 1979

HKTT: phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội

Hiện ở: khu đô thị Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội

(có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Đặng Ngọc T, sinh năm 1975

HKTT: phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội.

Hiện ở: Số 23, ngõ 63, phố Lâm Hạ, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội

(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Hằng N trình bày**:

Chị Đỗ Thị Hằng N và anh Đặng Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội vào ngày 18/11/2003.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng không chia sẻ được với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, có khi ảnh bỏ đi cả tháng trời vì thế vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Điều này càng làm cho bất đồng giữa anh chị càng lớn. Cuộc sống vợ chồng trở nên nặng nề, mệt mỏi. Về kinh tế vợ chồng không có sự cảm thông tin tưởng lẫn nhau. Năm 2015 TAND thành phố Hà Nội xét xử anh T về tội Tàng trữ trái phép ma tuý. Từ đó vợ chồng không thể chung sống được nữa. Từ năm 2013 đến nay hai vợ chồng anh chị ly thân không còn quan hệ gì với nhau nữa. Nay chị xin được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12/4/2011 và cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 9/8/2004. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu T và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp phí tổn nuôi con chung. Hiện nay, cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị N xin tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

* Đối với anh Đặng Ngọc T: Quá trình tiến hành tố tụng, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bầy tại Tòa đề nghị xin được ly hôn với anh T và xin được nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hắng N đối với anh Đặng Ngọc T. Về con chung: giao cháu Đặng Đức T cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Đặng Huyền M đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do chị N không yêu cầu giải quyết việc đóng góp phí tổn nuôi con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung của anh chị: không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Đỗ Thị Hằng N khởi kiện vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn là anh Đặng Ngọc T có HKTT: phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội, hiện ở: phố Lâm Hạ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ đối với anh T nhưng anh T vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Hằng N và anh Đặng Ngọc T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội vào ngày 18/11/2003.

Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng anh chị đã ly thân một thời gian dài, mỗi anh chị sống một nơi, kinh tế độc lập. Vợ chồng không sống với nhau như một gia đình, việc ai người đó lo. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị ly thân, cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ năm 2013 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo yêu cầu anh T đến Tòa án để hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị quay về đoàn tụ. Việc anh T cố tình vắng mặt tại các phiên hòa giải thể hiện anh T không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh T như vậy là có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị N làm đơn xin ly hôn với anh T là có căn cứ, là nguyện vọng chính đáng, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12/4/2011 và cháu Đặng Huyền M, sinh ngày 9/8/2004. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu T và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp phí tổn nuôi con chung. Hiện nay, cháu M đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

HĐXX thấy, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa

án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con 3.....”

Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Đức Thái và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Cháu Thái tại tòa có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của các cháu, HĐXX nên chấp nhận yêu cầu chị N, giao cháu T cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Tại thời điểm xét xử cháu M đã đủ 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là tùy ở cháu.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp phí tổn nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về tài sản chung: các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về án phí: chị N phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị N đã nộp 300.000đ. tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0065117 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Hằng N và anh Đặng Ngọc T

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Đặng Đức T, sinh ngày 12/4/2011 cho chị Đỗ Thị Hằng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu mới theo quy định của pháp luật.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: chị N phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị N đã nộp 300.000đ.

tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0065117 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị Hằng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND Tp. Hà Nội
-VKSND q. Long Biên
-Chi cục THADS q. Long Biên
-UBND phường Ngọc Lâm, Long Biên, HN
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Mai Hoa